

Số: 2000 /QĐ-UBND

Quảng Trị, ngày 01 tháng 8 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính
thực hiện liên thông tại Văn phòng UBND tỉnh Quảng Trị

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Xét đề nghị của Văn phòng UBND tỉnh tại Tờ trình số 516/TTr-VP ngày 26/7/2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính thực hiện liên thông tại Văn phòng UBND tỉnh Quảng Trị.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 3648/QĐ-UBND ngày 28/12/2017 của UBND tỉnh về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính thực hiện liên thông tại Văn phòng UBND tỉnh.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Thủ trưởng các Cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, Ban quản lý Khu kinh tế tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố, thị xã chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục Kiểm soát TTHC – VPCP;
- Khối Nghiên cứu – Tổng hợp;
- Trung tâm PVHCC tỉnh;
- Lưu: VT, KSTTHC, NC.

CHỦ TỊCH 

Nguyễn Đức Chính

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LIÊN THÔNG
THỰC HIỆN TẠI VĂN PHÒNG UBND TỈNH QUẢNG TRỊ**

(Ban hành kèm theo Quyết định số **2000** /QĐ-UBND ngày **01** tháng **8** năm 2019
của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Trị)



TT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết thủ tục hành chính theo quyết định đã công bố	
		Tại cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh	Tại Văn phòng UBND tỉnh
I	SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO: 23 thủ tục		
1	Thành lập trường trung học phổ thông công lập hoặc cho phép thành lập trường trung học phổ thông tư thục	19 ngày làm việc	06 ngày làm việc
2	Sáp nhập, chia tách trường trung học phổ thông	20 ngày làm việc	05 ngày làm việc
3	Giải thể trường trung học phổ thông (theo đề nghị của cá nhân, tổ chức thành lập trường trung học phổ thông)	14 ngày làm việc	06 ngày làm việc
4	Thành lập trường trung học phổ thông chuyên công lập hoặc cho phép thành lập trường trung học phổ thông chuyên tư thục	20 ngày làm việc	5 ngày làm việc
5	Sáp nhập, chia, tách trường trung học phổ thông chuyên	20 ngày làm việc	05 ngày làm việc
6	Giải thể trường trung học phổ thông chuyên	14 ngày làm việc	06 ngày làm việc
7	Thành lập trường phổ thông dân tộc nội trú	14 ngày làm việc	06 ngày làm việc
8	Sáp nhập, chia, tách trường phổ thông dân tộc nội trú	20 ngày làm việc	05 ngày làm việc
9	Giải thể trường phổ thông dân tộc nội trú (theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập trường)	14 ngày làm việc	06 ngày làm việc
10	Thành lập trường trung cấp sư phạm công lập, cho phép thành lập trường trung cấp sư phạm tư thục	05 ngày làm việc	10 ngày làm việc

11	Sáp nhập, chia, tách trường trung cấp sư phạm	05 ngày làm việc	10 ngày làm việc
12	Giải thể trường trung cấp sư phạm	14 ngày làm việc	06 ngày làm việc
13	Thành lập phân hiệu trường trung cấp sư phạm hoặc cho phép thành lập phân hiệu trường trung cấp sư phạm tư thục	05 ngày làm việc	10 ngày làm việc
14	Giải thể phân hiệu trường trung cấp sư phạm	14 ngày làm việc	06 ngày làm việc
15	Thành lập trường năng khiếu thể dục thể thao thuộc địa phương hoặc lớp năng khiếu thể dục, thể thao thuộc trường trung học phổ thông	14 ngày làm việc	06 ngày làm việc
16	Cho phép thành lập cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam	30 ngày làm việc	15 ngày làm việc
17	Giải thể cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam	24 ngày làm việc	06 ngày làm việc
18	Công nhận trường mầm non đạt chuẩn Quốc gia	100 ngày làm việc	20 ngày làm việc
19	Công nhận trường tiểu học đạt chuẩn Quốc gia	100 ngày làm việc	20 ngày làm việc
20	Công nhận trường trung học đạt chuẩn Quốc gia	100 ngày làm việc	20 ngày làm việc
21	Công nhận huyện đạt chuẩn phổ cập giáo dục, xóa mù chữ	53 ngày làm việc	07 ngày làm việc
22	Xếp hạng Trung tâm giáo dục thường xuyên	24 ngày làm việc	06 ngày làm việc
23	Xét, duyệt chính sách hỗ trợ đối với học sinh trung học phổ thông là người dân tộc Kinh	05 ngày làm việc	03 ngày làm việc
II	SỞ TÀI CHÍNH: 04 thủ tục		
1	Điều chuyển tài sản nhà nước tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh	20 ngày làm việc	10 ngày làm việc
2	Thanh lý tài sản nhà nước tại cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc thẩm	20 ngày làm việc	10 ngày làm việc

	quyền của UBND tỉnh		
3	Hồ sơ bán tài sản nhà nước tại cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh	20 ngày làm việc	10 ngày làm việc
4	Quyết toán dự án hoàn thành các dự án sử dụng vốn nhà nước thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh		
	- Dự án nhóm A	105 ngày làm việc	15 ngày làm việc
	- Dự án nhóm B	50 ngày làm việc	10 ngày làm việc
	- Dự án nhóm C	25 ngày làm việc	05 ngày làm việc
III	BAN DÂN TỘC: 02 thủ tục		
1	Công nhận người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số	5 ngày làm việc	5 ngày làm việc
2	Đưa ra khỏi danh sách người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số	5 ngày làm việc	5 ngày làm việc
IV	SỞ NGOẠI VỤ: 01 thủ tục		
1	Tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế	10 ngày làm việc	5 ngày làm việc
V	SỞ NÔNG NGHIỆP & PTNT: 40 thủ tục		
A	Lĩnh vực Thủy lợi		
1	Thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh và công bố công khai quy trình vận hành hồ chứa nước thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh.	23 ngày làm việc	7 ngày làm việc
2	Thẩm định, phê duyệt đề cương, kết quả kiểm định an toàn đập, hồ chứa thủy lợi thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh.	11 ngày làm việc	4 ngày làm việc
3	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạ du đập trong quá trình thi công thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh.	15 ngày làm việc	5 ngày làm việc
4	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh.	15 ngày làm việc	5 ngày làm việc
5	Phê duyệt phương án bảo vệ đập, hồ chứa nước thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh.	23 ngày làm việc	7 ngày làm việc
6	Cấp lại giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trong trường hợp bị mất, bị rách, hư hỏng thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh.	2 ngày làm việc	1 ngày làm việc

7	Cấp lại giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trong trường hợp tên chủ giấy phép đã được cấp bị thay đổi do chuyển nhượng, sáp nhập, chia tách, cơ cấu lại tổ chức thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh.	2 ngày làm việc	1 ngày làm việc
8	Cấp giấy phép xả nước thải vào công trình thủy lợi, trừ xả nước thải với quy mô nhỏ và không chứa chất độc hại, chất phóng xạ thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh.	23 ngày làm việc	7 ngày làm việc
9	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép xả nước thải vào công trình thủy lợi trừ xả nước thải với quy mô nhỏ và không chứa chất độc hại, chất phóng xạ thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh.	11 ngày làm việc	4 ngày làm việc
10	Cấp giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi: Xây dựng công trình mới; Lập, bến, bãi; tập kết nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, vật tư, phương tiện; Khoan, đào khảo sát địa chất, thăm dò, khai thác khoáng sản, vật liệu xây dựng, khai thác nước dưới đất; Xây dựng công trình ngầm thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh.	19 ngày làm việc	6 ngày làm việc
11	Cấp giấy phép hoạt động của phương tiện thủy nội địa, phương tiện cơ giới, trừ xe mô tô, xe gắn máy, phương tiện thủy nội địa thô sơ của UBND tỉnh.	3 ngày làm việc	2 ngày làm việc
12	Cấp giấy phép cho hoạt động trồng cây lâu năm trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh.	3 ngày làm việc	2 ngày làm việc
13	Cấp giấy phép nuôi trồng thủy sản thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh.	7 ngày làm việc	3 ngày làm việc
14	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép: Xây dựng công trình	11 ngày làm việc	4 ngày làm việc

	mới; Lập bến, bãi tập kết nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, vật tư, phương tiện; Khoan, đào khảo sát địa chất, thăm dò, khai thác khoáng sản, vật liệu xây dựng, khai thác nước dưới đất; Xây dựng công trình ngầm thuộc quyền cấp phép của UBND tỉnh.		
15	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép: Trồng cây lâu năm; Hoạt động của phương tiện thủy nội địa, phương tiện cơ giới, trừ xe mô tô, xe gắn máy, phương tiện thủy nội địa thô sơ thuộc quyền cấp phép của UBND tỉnh.	3 ngày làm việc	2 ngày làm việc
16	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép: Nuôi trồng thủy sản; Nổ mìn và các hoạt động gây nổ khác thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh.	7 ngày làm việc	3 ngày làm việc
17	Cấp giấy phép hoạt động du lịch, thể thao, nghiên cứu khoa học, kinh doanh, dịch vụ thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh.	11 ngày làm việc	4 ngày làm việc
18	Cấp giấy phép Nổ mìn và các hoạt động gây nổ khác thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh.	11 ngày làm việc	4 ngày làm việc
19	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép hoạt động du lịch, thể thao, nghiên cứu khoa học, kinh doanh, dịch vụ thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh.	7 ngày làm việc	3 ngày làm việc
20	Phê duyệt, điều chỉnh quy trình vận hành đối với công trình thủy lợi lớn và công trình thủy lợi vừa do UBND tỉnh quản lý.	23 ngày làm việc	7 ngày làm việc
21	Phê duyệt, điều chỉnh phương án cấm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn UBND tỉnh quản lý.	23 ngày làm việc	7 ngày làm việc
B	Lĩnh vực Đề điều		

22	Cấp giấy phép cắt xẻ đê để xây dựng công trình trong phạm vi bảo vệ đê điều	10 ngày làm việc	05 ngày làm việc
23	Cấp giấy phép khoan, đào trong phạm vi bảo vệ đê điều	10 ngày làm việc	05 ngày làm việc
24	Cấp giấy phép xây dựng công qua đê; xây dựng công trình đặc biệt trong phạm vi bảo vệ đê điều, bãi sông, lòng sông	10 ngày làm việc	05 ngày làm việc
25	Cấp giấy phép sử dụng đê, kè bảo vệ đê, công qua đê làm nơi neo đậu tàu, thuyền, bè, mảng	10 ngày làm việc	05 ngày làm việc
26	Cấp giấy phép nạo vét luồng lạch trong phạm vi bảo vệ đê điều	10 ngày làm việc	05 ngày làm việc
27	Điều chỉnh giấy phép các hoạt động liên quan đến đê điều	07 ngày làm việc	05 ngày làm việc
28	Gia hạn giấy phép các hoạt động liên quan đến đê điều	07 ngày làm việc	05 ngày làm việc
C	Lĩnh vực Kiểm lâm		
29	Phê duyệt Đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong rừng đặc dụng đối với khu rừng đặc dụng thuộc địa phương quản lý	35 ngày làm việc	15 ngày làm việc
30	Phê duyệt đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong rừng phòng hộ đối với khu rừng phòng hộ thuộc địa phương quản lý	35 ngày làm việc	15 ngày làm việc
31	Quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh	15 ngày làm việc	30 ngày làm việc
32	Thủ tục phê duyệt chương trình, dự án và hoạt động phi dự án được hỗ trợ tài chính của Quỹ bảo vệ và phát triển rừng cấp tỉnh	31 ngày làm việc	9 ngày làm việc
33	Chuyển loại rừng đối với khu rừng do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định thành lập	15 ngày làm việc	30 ngày làm việc
34	Miễn, giảm tiền chi trả dịch vụ môi trường rừng (đối với bên sử dụng dịch vụ môi trường rừng trong phạm vi địa giới hành chính của một tỉnh)	13 ngày làm việc	2 ngày làm việc
35	Phê duyệt phương án quản lý rừng bền vững của chủ rừng là tổ chức	20 ngày làm việc	3 ngày làm việc
36	Nộp tiền trồng rừng thay thế về Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng của tỉnh	17 ngày làm việc	3 ngày làm việc

37	Thẩm định, phê duyệt Phương án trồng rừng mới thay thế diện tích rừng chuyển sang sử dụng cho mục đích khác	25 ngày làm việc	10 ngày làm việc
D	Lĩnh vực Quản lý xây dựng công trình		
38	Phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu (Đối với các dự án đầu tư xây dựng công trình sử dụng vốn đầu tư công do Bộ Nông nghiệp và PTNT quản lý)	20 ngày làm việc	5 ngày làm việc
E	Lĩnh vực Ứng dụng công nghệ cao		
39	Công nhận doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao	18 ngày làm việc	3 ngày làm việc
40	Công nhận lại doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao	18 ngày làm việc	3 ngày làm việc
VI	SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG: 71 thủ tục		
A	Lĩnh vực Đất đai		
1	Điều chỉnh quyết định thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất của Thủ tướng Chính phủ đã ban hành trước 01/7/2004	15 ngày làm việc	5 ngày làm việc
2	Gia hạn sử dụng đất nông nghiệp của cơ sở tôn giáo		
	<i>Các xã không phải là xã miền núi, vùng sâu vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế khó khăn</i>	5 ngày làm việc	2 ngày làm việc
	<i>Các xã miền núi, vùng sâu vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế khó khăn</i>	12 ngày làm việc	5 ngày làm việc
3	Giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất đối với dự án phải trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền xét duyệt hoặc phải cấp giấy chứng nhận đầu tư mà người xin giao đất, thuê đất là tổ chức, cơ sở tôn giáo, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao		
	<i>Các xã không phải là xã miền núi, vùng sâu vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế khó khăn</i>	15 ngày làm việc	5 ngày làm việc
	<i>Các xã miền núi, vùng sâu vùng xa,</i>	25 ngày làm việc	5 ngày làm việc

	<i>vùng có điều kiện kinh tế khó khăn</i>		
4	Giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất đối với dự án không phải trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền xét duyệt; dự án không phải cấp giấy chứng nhận đầu tư; trường hợp không phải lập dự án đầu tư xây dựng công trình mà người xin giao đất, thuê đất là tổ chức, cơ sở tôn giáo, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao		
	<i>Các xã không phải là xã miền núi, vùng sâu vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế khó khăn</i>	15 ngày làm việc	5 ngày làm việc
	<i>Các xã miền núi, vùng sâu vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế khó khăn</i>	25 ngày làm việc	5 ngày làm việc
5	Chuyển mục đích sử dụng đất phải được phép cơ quan có thẩm quyền đối với tổ chức, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài		
	<i>Các xã không phải là xã miền núi, vùng sâu vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế khó khăn</i>	10 ngày làm việc	5 ngày làm việc
	<i>Các xã miền núi, vùng sâu vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế khó khăn</i>	20 ngày làm việc	5 ngày làm việc
6	Gia hạn sử dụng đất ngoài khu công nghệ cao, khu kinh tế		
	<i>Các xã không phải là xã miền núi, vùng sâu vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế khó khăn</i>	5,5 ngày làm việc	1,5 ngày làm việc
	<i>Các xã miền núi, vùng sâu vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế khó khăn</i>	13 ngày làm việc	4 ngày làm việc
7	Đăng ký và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu (Đối với trường hợp UBND tỉnh cấp)		
	<i>Các xã không phải là xã miền núi, vùng sâu vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế khó khăn</i>	25 ngày làm việc	5 ngày làm việc

	<i>Các xã miền núi, vùng sâu vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế khó khăn</i>	30 ngày làm việc	5 ngày làm việc
8	Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho người đã đăng ký quyền sử dụng đất lần đầu (Đối với trường hợp UBND tỉnh cấp)		
	<i>Các xã không phải là xã miền núi, vùng sâu vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế khó khăn</i>	25 ngày làm việc	5 ngày làm việc
	<i>Các xã miền núi, vùng sâu vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế khó khăn</i>	30 ngày làm việc	5 ngày làm việc
9	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu đối với tài sản gắn liền với đất mà chủ sở hữu không đồng thời là người sử dụng đất (Đối với trường hợp UBND tỉnh cấp)		
	<i>Các xã không phải là xã miền núi, vùng sâu vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế khó khăn</i>	25 ngày làm việc	5 ngày làm việc
	<i>Các xã miền núi, vùng sâu vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế khó khăn</i>	30 ngày làm việc	5 ngày làm việc
10	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với trường hợp đã chuyển quyền sử dụng đất trước ngày 01 tháng 7 năm 2014 mà bên chuyển quyền đã được cấp Giấy chứng nhận nhưng chưa thực hiện thủ tục chuyển quyền theo quy định (Đối với trường hợp UBND tỉnh cấp)		
	<i>Các xã không phải là xã miền núi, vùng sâu vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế khó khăn</i>	20 ngày làm việc	5 ngày làm việc
	<i>Các xã miền núi, vùng sâu vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế khó khăn</i>	30 ngày làm việc	5 ngày làm việc
11	Bán hoặc góp vốn bằng tài sản gắn liền với đất thuê của Nhà nước theo hình thức thuê đất trả tiền hàng năm		

	<i>Các xã không phải là xã miền núi, vùng sâu vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế khó khăn</i>	20 ngày làm việc	5 ngày làm việc
	<i>Các xã miền núi, vùng sâu vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế khó khăn</i>	30 ngày làm việc	5 ngày làm việc
12	Đăng ký biến động đối với trường hợp chuyển từ hình thức thuê đất trả tiền hàng năm sang thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê hoặc từ giao đất không thu tiền sử dụng đất sang hình thức thuê đất hoặc từ thuê đất sang giao đất có thu tiền sử dụng đất		
	<i>Các xã không phải là xã miền núi, vùng sâu vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế khó khăn</i>	25 ngày làm việc	5 ngày làm việc
	<i>Các xã miền núi, vùng sâu vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế khó khăn</i>	35 ngày làm việc	5 ngày làm việc
B	Lĩnh vực môi trường		
13	Thẩm định báo cáo đánh giá môi trường chiến lược	25 ngày làm việc	5 ngày làm việc
14	Cấp giấy xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành dự án	15 ngày làm việc	4 ngày làm việc
15	Chấp thuận tách đầu nối khỏi hệ thống xử lý nước thải tập trung khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao và tự xử lý nước thải phát sinh.		
	<i>Trường hợp lấy mẫu</i>	26 ngày làm việc	4 ngày làm việc
	<i>Trường hợp không lấy mẫu</i>	16 ngày làm việc	4 ngày làm việc
16	Chấp thuận điều chỉnh về quy mô, quy hoạch, hạ tầng kỹ thuật, danh mục ngành nghề trong khu công nghiệp	15 ngày làm việc	5 ngày làm việc
17	Thẩm định, phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường	44 ngày làm việc	6 ngày làm việc
18	Thẩm định, phê duyệt phương án cải tạo, phục hồi môi trường đối với hoạt động khai thác khoáng sản (<i>trường hợp có phương án và báo cáo đánh giá tác động môi</i>	34 ngày làm việc	6 ngày làm việc

	<i>trường cùng một cơ quan thẩm quyền phê duyệt)</i>		
19	Thẩm định, phê duyệt phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung đối với hoạt động khai thác khoáng sản (<i>trường hợp có phương án bổ sung và báo cáo đánh giá tác động môi trường cùng một cơ quan thẩm quyền phê duyệt</i>)	25 ngày làm việc	5 ngày làm việc
20	Thẩm định, phê duyệt phương án cải tạo, phục hồi môi trường đối với hoạt động khai thác khoáng sản (<i>trường hợp có phương án và báo cáo đánh giá tác động môi trường không cùng một cơ quan thẩm quyền phê duyệt</i>)	44 ngày làm việc	6 ngày làm việc
21	Thẩm định, phê duyệt phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung đối với hoạt động khai thác khoáng sản (<i>trường hợp có phương án bổ sung và báo cáo đánh giá tác động môi trường không cùng một cơ quan thẩm quyền phê duyệt</i>)	44 ngày làm việc	6 ngày làm việc
C	Lĩnh vực đa dạng sinh học		
22	Cấp giấy chứng nhận cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học	38 ngày làm việc	7 ngày làm việc
23	Cấp giấy phép trao đổi, mua, bán, tặng cho, thuê mẫu vật của loài hoang dã thuộc Danh mục loài được ưu tiên bảo vệ	23 ngày làm việc	7 ngày làm việc
24	Cấp giấy xác nhận lưu giữ, vận chuyển mẫu vật của loài hoang dã thuộc Danh mục loài được ưu tiên bảo vệ	3 ngày làm việc	2 ngày làm việc
D	Lĩnh vực khoáng sản		
25	Đăng ký khai thác khoáng sản vật liệu xây dựng thông thường trong diện tích dự án xây dựng công trình (đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt hoặc cho phép đầu tư mà sản phẩm khai thác chỉ được sử dụng cho xây dựng công trình đó) bao gồm cả đăng ký khối lượng cát, sỏi thu hồi từ dự án nạo vét, khơi thông luồng lạch	31 ngày làm việc	7 ngày làm việc

26	Chấp thuận tiến hành khảo sát tại thực địa, lấy mẫu trên mặt đất để lựa chọn diện tích lập đề án thăm dò khoáng sản	7 ngày làm việc	3 ngày làm việc
27	Cấp, điều chỉnh Giấy phép khai thác khoáng sản; cấp Giấy phép khai thác khoáng sản ở khu vực có dự án đầu tư công trình		
	<i>Cấp Giấy phép khai thác khoáng sản; cấp Giấy phép khai thác khoáng sản ở khu vực có dự án đầu tư xây dựng công trình</i>	72 ngày làm việc	7 ngày làm việc
	<i>Điều chỉnh Giấy phép khai thác khoáng sản</i>	20 ngày làm việc	5 ngày làm việc
28	Đóng cửa mỏ khoáng sản	35 ngày làm việc	7 ngày làm việc
29	Cấp giấy phép thăm dò khoáng sản	60 ngày làm việc	10 ngày làm việc
30	Chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản	30 ngày làm việc	5 ngày làm việc
31	Đấu giá quyền khai thác khoáng sản ở khu vực chưa thăm dò khoáng sản	69 ngày làm việc	7 ngày làm việc
32	Đấu giá quyền khai thác khoáng sản ở khu vực đã có kết quả thăm dò khoáng sản được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt	69 ngày làm việc	7 ngày làm việc
33	Cấp phép khai thác tận thu khoáng sản	17 ngày làm việc	5 ngày làm việc
34	Gia hạn giấy phép khai thác tận thu khoáng sản	8 ngày làm việc	3 ngày làm việc
35	Trả lại giấy phép khai thác tận thu khoáng sản	8 ngày làm việc	3 ngày làm việc
36	Gia hạn giấy phép thăm dò khoáng sản	30 ngày làm việc	5 ngày làm việc
37	Trả lại giấy phép hoặc trả lại một phần diện tích thăm dò khoáng sản	30 ngày làm việc	5 ngày làm việc
38	Phê duyệt trữ lượng khoáng sản	123 ngày làm việc	10 ngày làm việc
39	Gia hạn giấy phép khai thác khoáng sản	30 ngày làm việc	5 ngày làm việc
40	Trả lại giấy phép hoặc trả lại một phần diện tích khai thác khoáng sản	30 ngày làm việc	5 ngày làm việc
41	Chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản	30 ngày làm việc	5 ngày làm việc

42	Cấp phép khai thác, sử dụng đất làm vật liệu san lấp công trình; cải tạo, hạ độ cao đối với đất nông nghiệp đã giao cho các tổ chức, đất thực hiện các dự án đầu tư xây dựng công trình và sử dụng đất làm vật liệu san lấp thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh	27 ngày làm việc	7 ngày làm việc
E	Lĩnh vực tài nguyên nước		
43	Thẩm định, phê duyệt phương án cấm mốc giới hành lang bảo vệ nguồn nước đối với hồ chứa thủy điện và hồ chứa thủy lợi	33 ngày làm việc	7 ngày làm việc
44	Lấy ý kiến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đối với các dự án đầu tư có chuyển nước từ nguồn nước liên tỉnh, dự án đầu tư xây dựng hồ, đập trên dòng chính thuộc lưu vực sông liên tỉnh	57 ngày làm việc	10 ngày làm việc
45	Chuyển nhượng quyền khai thác tài nguyên nước	15 ngày làm việc	5 ngày làm việc
46	Cấp lại giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất	3 ngày làm việc	2 ngày làm việc
47	Điều chỉnh tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước	15 ngày làm việc	5 ngày làm việc
48	Cấp giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000m ³ /ngày đêm	48 ngày làm việc	7 ngày làm việc
49	Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000m ³ /ngày đêm	45 ngày làm việc	5 ngày làm việc
50	Cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000m ³ /ngày đêm	48 ngày làm việc	7 ngày làm việc
51	Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000m ³ /ngày đêm	45 ngày làm việc	5 ngày làm việc
52	Cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản với lưu lượng dưới 2m ³ /giây; phát điện với công suất lắp máy dưới 2.000kw; cho các mục đích khác với lưu	48 ngày làm việc	7 ngày làm việc

	lượng dưới 50.000m ³ /ngày đêm; cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước biển cho mục đích sản xuất, kinh doanh, dịch vụ với lưu lượng dưới 100.000m ³ / ngày đêm		
53	Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản với lưu lượng dưới 2m ³ /giây; phát điện với công suất lắp máy dưới 2.000kw; cho các mục đích khác với lưu lượng dưới 50.000m ³ /ngày đêm; Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép khai thác, sử dụng nước biển cho mục đích sản xuất, kinh doanh, dịch vụ với lưu lượng dưới 100.000m ³ / ngày đêm	45 ngày làm việc	5 ngày làm việc
54	Cấp giấy phép xả nước thải vào nguồn nước với lưu lượng dưới 30.000m ³ /ngày đêm đối với hoạt động nuôi trồng thủy sản; với lưu lượng dưới 3.000m ³ /ngày đêm đối với các hoạt động khác	48 ngày làm việc	7 ngày làm việc
55	Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép xả nước thải vào nguồn nước với lưu lượng dưới 30.000m ³ /ngày đêm đối với hoạt động nuôi trồng thủy sản; với lưu lượng dưới 3.000m ³ /ngày đêm đối với các hoạt động khác	45 ngày làm việc	5 ngày làm việc
56	Cấp phép hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa và nhỏ	13 ngày làm việc	5 ngày làm việc
57	Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa và nhỏ	12 ngày làm việc	3 ngày làm việc
G	Lĩnh vực biển, hải đảo		
58	Giao khu vực biển	41 ngày làm việc	7 ngày làm việc
59	Gia hạn quyết định giao khu vực biển	31 ngày làm việc	7 ngày làm việc
60	Sửa đổi, bổ sung quyết định giao khu vực biển	31 ngày làm việc	7 ngày làm việc
61	Trả lại khu vực biển	45 ngày làm việc	7 ngày làm việc
62	Thu hồi khu vực biển		

	<i>Thu hồi do vi phạm</i>	35 ngày làm việc	10 ngày làm việc
	<i>Thu hồi mục đích ANQP</i>	25 ngày làm việc	10 ngày làm việc
63	Cấp Giấy phép nhận chìm ở biển	71 ngày làm việc	7 ngày làm việc
64	Gia hạn Giấy phép nhận chìm ở biển	56 ngày làm việc	7 ngày làm việc
65	Sửa đổi, bổ sung Giấy phép nhận chìm ở biển	41 ngày làm việc	7 ngày làm việc
66	Trả lại Giấy phép nhận chìm	56 ngày làm việc	7 ngày làm việc
67	Cấp lại Giấy phép nhận chìm	26 ngày làm việc	7 ngày làm việc
H	Lĩnh vực khí tượng thủy văn và biến đổi khí hậu		
68	Cấp giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn	12 ngày làm việc	3 ngày làm việc
69	Sửa đổi, bổ sung, gia hạn giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn	12 ngày làm việc	3 ngày làm việc
70	Cấp lại giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn	3 ngày làm việc	2 ngày làm việc
I	Lĩnh vực Đo đạc bản đồ và Viễn thám		
71	Cung cấp, khai thác và sử dụng dữ liệu Viễn thám	4,5 ngày làm việc	2,5 ngày làm việc
VII	SỞ TƯ PHÁP: 20 thủ tục		
A	Lĩnh vực Nuôi con nuôi		
1	Giải quyết việc người nước ngoài thường trú ở Việt Nam nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi	20 ngày làm việc	15 ngày làm việc
2	Đăng ký lại việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài	03 ngày làm việc	02 ngày làm việc
B	Lĩnh vực Quốc tịch		
3	Nhập quốc tịch Việt Nam	45 ngày làm việc	10 ngày làm việc
4	Thôi quốc tịch Việt Nam ở trong nước	30 ngày làm việc	05 ngày làm việc
5	Thủ tục nhập quốc tịch Việt Nam cho người Lào tại các huyện của Việt Nam tiếp giáp với Lào	5 ngày làm việc	05 ngày làm việc
6	Trở lại quốc tịch Việt Nam ở trong nước	30 ngày làm việc	05 ngày làm việc
C	Lĩnh vực Công chứng		
7	Thành lập Văn phòng Công chứng	15 ngày làm việc	05 ngày làm việc
8	Hợp nhất Văn phòng Công chứng	20 ngày làm việc	15 ngày làm việc
9	Sáp nhập Văn phòng Công chứng	20 ngày làm việc	15 ngày làm việc
10	Chuyển nhượng Văn phòng Công	20 ngày làm việc	15 ngày làm việc